

CÔNG TY CỔ PHẦN DIC – ĐỒNG TIẾN

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017
đã được kiểm toán



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 – 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	06 – 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11 – 34

22
NG
PT
ĐỒI
DICE
305
RÁCH
DICE
M CH
VÀ F
N
1-7

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần DIC – Đồng Tiến (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Khái quát

Công ty Cổ phần DIC – Đồng Tiến được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000145 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 03 tháng 08 năm 2004, thay đổi lần thứ 7 ngày 13 tháng 01 năm 2017 với mã số doanh nghiệp 3600692809.

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất mặt bằng; Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước; Lắp đặt trang thiết bị cho công trình xây dựng; Sản xuất bê tông và các sản phẩm khác từ xi măng, vữa; Mua bán vật liệu xây dựng, thiết bị cấp nước trong nhà, thiết bị nhiệt và phụ tùng thay thế, thiết bị, dụng cụ hệ thống điện, thiết bị điều hòa nhiệt độ, thiết bị vệ sinh, kết cấu thép, sắt thép xây dựng, ống kim loại, tôn và thép lá, dây kim loại, khung nhôm, khung đồng, gỗ (từ nguồn hợp pháp), kim khí, máy móc thiết bị xây dựng; Kinh doanh nhà; Môi giới, đầu giá bất động sản; Đầu tư xây dựng khu đô thị, khu công nghiệp; Mua bán, cho thuê, sửa chữa xe chuyên dùng, máy móc thiết bị ngành xây dựng.

Trụ sở chính của Công ty tại Lô 17, Đường 25B, Khu công nghiệp Nhơn Trạch 2, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Hoàng Tuấn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Thương	Thành viên
Ông Trần Anh Điền	Thành viên
Ông Huỳnh Trung Hiếu	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thanh Uyên	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Anh Điền	Tổng Giám đốc
-------------------	---------------

Ban kiểm soát

Bà Nguyễn Nhật Thảo	Trưởng ban
Bà Nguyễn Ngọc Bội	Thành viên
Bà Lương Thị Thùy Trang	Thành viên

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện công tác kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê chuẩn báo cáo tài chính đính kèm từ trang 06 đến trang 34 và cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



TRẦN ANH ĐIỀN
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 26 tháng 02 năm 2018

Số: 66 /BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần DIC – Đồng Tiến

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần DIC – Đồng Tiến, được lập ngày 26/02/2018, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần DIC – Đồng Tiến tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 03 năm 2018

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN)**

P. Giám đốc



Nguyễn Thị Cúc

Chứng nhận ĐKHN kiểm toán số:
0700-2018-152-1

Kiểm toán viên



Nguyễn Hồng Nga

Chứng nhận ĐKHN kiểm toán số:
1266-2018-152-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
A. Tài sản ngắn hạn	100		142.079.971.362	102.060.817.119
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		4.687.259.106	2.808.473.263
1. Tiền	111	V.01	4.687.259.106	2.808.473.263
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		108.060.778.698	81.907.454.216
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	87.498.791.485	72.777.239.626
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		18.292.637.790	10.167.531.146
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.03	6.791.768.285	2.677.667.981
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.05	(4.522.418.862)	(3.714.984.537)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.06	27.314.805.952	17.048.618.070
1. Hàng tồn kho	141		27.314.805.952	17.048.618.070
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.017.127.606	296.271.570
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.04	313.107.957	296.271.570
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.694.462.099	-
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	153	V.12	9.557.550	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
B. Tài sản dài hạn	200		82.331.125.717	65.214.501.651
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		44.506.439.711	50.376.198.378
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	44.490.289.711	50.347.935.878
- Nguyên giá	222		96.226.889.652	96.114.608.881
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(51.736.599.941)	(45.766.673.003)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.08	16.150.000	28.262.500
- Nguyên giá	228		36.337.500	36.337.500
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(20.187.500)	(8.075.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.09	37.066.718.671	9.954.428.300
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241		13.925.144.766	9.336.246.482
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		23.141.573.905	618.181.818
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.10	607.500.000	3.710.938.850
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		3.288.000.000	6.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		151.500.000	151.500.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.832.000.000)	(2.440.561.150)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		150.467.335	1.172.936.123
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.04	150.467.335	1.172.936.123
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		224.411.097.079	167.275.318.770

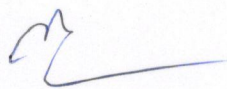
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
C. Nợ phải trả	300		132.887.068.350	107.355.125.616
I. Nợ ngắn hạn	310		128.762.957.239	103.254.125.616
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	53.767.226.064	31.540.606.209
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		4.499.258.329	9.065.834.485
3. Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	313	V.12	410.111.757	2.218.555.789
4. Phải trả người lao động	314		1.367.338.755	1.276.974.682
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	425.116.071	294.330.000
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	68.238.536.608	58.802.454.796
8. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		55.369.655	55.369.655
II. Nợ dài hạn	330		4.124.111.111	4.101.000.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14	4.124.111.111	4.101.000.000
D. Vốn chủ sở hữu	400		91.524.028.729	59.920.193.154
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	91.524.028.729	59.920.193.154
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		80.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		80.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		7.408.000.000	7.408.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.126.570.906	1.126.570.906
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.989.457.823	1.385.622.248
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.274.822.248	(1.739.285.878)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.714.635.575	3.124.908.126
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		224.411.097.079	167.275.318.770

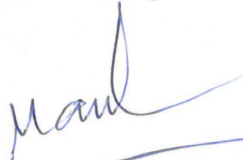
Người lập biểu



Trần Thị Trúc Lan

Đồng Nai, ngày 26 tháng 02 năm 2018

Kế toán trưởng



Cao Minh Châu

Tổng Giám đốc



Trần Anh Điền

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	244.783.318.214	206.937.944.418
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	61.426.810	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.03	244.721.891.404	206.937.944.418
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.04	227.803.591.141	186.711.018.429
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		16.918.300.263	20.226.925.989
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.05	12.823.871	18.102.905
7. Chi phí tài chính	22	VI.06	4.953.280.142	5.643.331.334
<i>Trong đó : Chi phí lãi vay</i>	23		<i>4.561.841.292</i>	<i>4.784.097.477</i>
8. Chi phí bán hàng	24	VI.07	1.899.586.092	1.734.631.359
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.08	7.700.220.573	7.708.067.775
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.378.037.327	5.158.998.426
11. Thu nhập khác	31	VI.09	524.923.293	485.544.350
12. Chi phí khác	32	VI.10	353.366.402	1.092.481.143
13. Lợi nhuận khác	40		171.556.891	(606.936.793)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.549.594.218	4.552.061.633
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.11	834.958.643	1.427.153.507
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.714.635.575	3.124.908.126
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12	217	603
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.12	217	603

Người lập biểu

Trần Thị Trúc Lan

Kế toán trưởng

Cao Minh Châu

Tổng Giám đốc



Trần Anh Điền

Đồng Nai, ngày 26 tháng 02 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

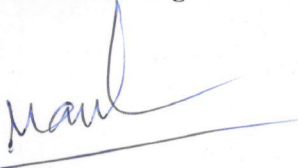
Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	250.812.365.347	217.003.741.379
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(244.406.584.045)	(180.354.990.126)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(15.906.416.248)	(13.036.620.396)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(4.561.841.292)	(4.784.097.477)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(1.678.512.224)	(591.981.605)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	5.509.237.671	5.623.941.080
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(24.988.955.890)	(15.470.041.326)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(35.220.706.681)	8.389.951.529
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(5.084.524.270)	(14.258.997.583)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	-
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	2.712.000.000	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	12.823.871	18.102.905
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.359.700.399)	(14.240.894.678)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	30.000.000.000	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	239.965.978.828	184.566.170.066
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(230.506.785.905)	(179.820.131.359)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	39.459.192.923	4.746.038.707
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	1.878.785.843	(1.104.904.442)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2.808.473.263	3.913.377.705
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4.687.259.106	2.808.473.263

Người lập biểu



Trần Thị Trúc Lan

Kế toán trưởng



Cao Minh Châu

Ông Giám đốc



Trần Anh Điền

Đồng Nai, ngày 26 tháng 02 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần DIC – Đồng Tiến được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000145 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 03 tháng 08 năm 2004, thay đổi lần thứ 7 ngày 13 tháng 01 năm 2017 với mã số doanh nghiệp 3600692809.

Trụ sở chính của Công ty tại Lô 17, Đường 25B, Khu công nghiệp Nhơn Trạch 2, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: San lấp mặt bằng; Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước; Lắp đặt trang thiết bị cho công trình xây dựng; Sản xuất bê tông và các sản phẩm khác từ xi măng, vữa; Mua bán vật liệu xây dựng, thiết bị cấp nước trong nhà, thiết bị nhiệt và phụ tùng thay thế, thiết bị, dụng cụ hệ thống điện, thiết bị điều hòa nhiệt độ, thiết bị vệ sinh, kết cấu thép, sắt thép xây dựng, ống kim loại, tôn và thép lá, dây kim loại, khung nhôm, khung đồng, gỗ (từ nguồn hợp pháp), kim khí, máy móc thiết bị xây dựng; Kinh doanh nhà; Môi giới, đấu giá bất động sản; Đầu tư xây dựng khu đô thị, khu công nghiệp; Mua bán, cho thuê, sửa chữa xe chuyên dùng, máy móc thiết bị ngành xây dựng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

Trong năm, Công ty không có thay đổi bất thường gì về đặc điểm hoạt động kinh doanh.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty cổ phần Dic - Đồng Tiến tại KCN Đất Đỏ 1	Lô 15, đường N9, KCN Đất Đỏ 1, xã Phước Long Thọ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 Công ty có liên doanh, liên kết như sau:

Tên	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu
Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng Đồng Phúc Tiến	Sản xuất, dịch vụ	12.515.000.000	40%

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối kỳ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản thì tỷ giá áp dụng là tỷ giá mua ngoại tệ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm : tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển .

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

20
37
H.
NG
CH
21388
CÔNG T
I NIỆM B
I VỤ T
ÍNH K
KIỂM T
AM VI
P. HỒ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu (06) tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn khác.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	08 – 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 – 12 năm
- Phương tiện vận tải	10 – 14 năm
- Dụng cụ quản lý	03 – 08 năm
- Tài sản cố định khác	05 – 10 năm
- Phần mềm máy tính	03 năm

Nguyên giá tài sản cố định và thời gian khấu hao được xác định theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh trong năm được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

39.
Y
ÂN
TH
4-C
Y
ĐƯ HẠN
VẤN
TOÁN
ÁN
CHI M

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

15. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

17. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

18. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

I. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	200.770.633	738.582.434
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.486.488.473	2.069.890.829
Cộng	4.687.259.106	2.808.473.263

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2. Phải thu của khách hàng	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn		
Công ty TNHH TM-DV-XD-Đầu tư Anh Đức	4.972.690.450	4.115.586.000
Công ty Cổ phần Cầu kiện Bê tông Nhơn Trạch 2	2.919.591.659	3.926.841.232
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 4.2	684.148.000	1.284.148.000
Công ty Cổ phần Hà Đô 23	26.069.750	3.813.646.300
Công ty TNHH Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp Nam Việt	1.725.561.350	2.608.723.750
Công ty TNHH Vật tư và Xây dựng Ngọc Châu	3.989.320.600	3.255.520.500
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9	-	6.422.990.750
Công ty Cổ phần VLXD Thế giới Nhà	9.549.066.796	5.405.988.448
Công ty TNHH MTV Tư vấn Xây dựng TM Phát triển	2.158.685.000	220.341.520
Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Tài Phú	3.222.290.250	-
Công ty TNHH Xây dựng K.N.G	7.063.747.600	2.157.915.650
Công ty TNHH MTV Danh Phước	2.160.447.500	-
Công ty Cổ phần TM Đầu tư và Dịch vụ Trường Hải	1.617.448.800	-
Công ty TNHH TM SX và Dịch vụ XNK 86	3.263.823.000	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	44.145.900.730	39.565.537.476
Cộng	87.498.791.485	72.777.239.626
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	31/12/2017	01/01/2017
Công ty Cổ phần VLXD Thế giới Nhà	9.549.066.796	5.405.988.448
Công ty Cổ phần Cầu kiện Bê tông Nhơn Trạch 2	2.919.591.659	3.926.841.232
3. Phải thu ngắn hạn khác	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Phải thu tạm ứng cán bộ nhân viên	6.675.406.480	2.394.617.877
Phải thu người lao động	-	-
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	-	-
Các khoản phải thu khác	116.361.805	283.050.104
Cộng	6.791.768.285	2.677.667.981
4. Chi phí trả trước	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn	313.107.957	296.271.570
Chi phí mua bảo hiểm	150.224.627	135.242.428
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	162.883.330	161.029.142
b) Dài hạn	150.467.335	1.172.936.123
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	55.430.556	446.876.622
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	84.700.750	431.026.467
Chi phí trả trước dài hạn khác	10.336.029	295.033.034
Cộng	463.575.292	1.469.207.693

CÔNG TY CỔ PHẦN DIC - ĐỒNG TIẾN

Lô 17, đường 25B, KCN Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
5. Nợ xấu	4.612.745.112	(4.522.418.862)	3.714.984.537	(3.714.984.537)
<i>Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi</i>	325.469.225	(325.469.225)	325.469.225	(325.469.225)
Công ty TNHH Đồng Nhân - BRVT	1.110.321.750	(1.110.321.750)	1.110.321.750	(1.110.321.750)
CN Công ty CP ĐTPT Kỹ Nghệ & XD Việt Nam	673.035.000	(673.035.000)	673.035.000	(673.035.000)
Công ty TNHH SX XD GT Tài Lộc	282.531.000	(282.531.000)	282.531.000	(282.531.000)
Công ty CP Xây lắp Dầu khí 2	2.221.388.137	(2.131.061.887)	1.323.627.562	(1.323.627.562)
Các khoản phải thu khác				
Cộng	4.612.745.112	(4.522.418.862)	3.714.984.537	(3.714.984.537)

6. Hàng tồn kho

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	25.078.729.538	-	15.942.440.356	-
Công cụ dụng cụ	753.909.368	-	394.780.998	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	-	-	-
Thành phẩm	1.473.631.260	-	687.701.792	-
Hàng hóa	8.535.786	-	23.694.924	-
Cộng giá gốc hàng tồn kho	27.314.805.952	-	17.048.618.070	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DIC – ĐỒNG TIẾN

Lô 17, đường 25B, KCN Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định		Đơn vị tính: VND
					khác	Cộng	
Nguyên giá TSCĐ hữu hình							
Số dư đầu năm	14.834.656.930	24.899.939.697	54.766.621.371	87.369.890	1.526.020.993		96.114.608.881
Số tăng trong năm	-	630.916.000	871.313.818	-	265.000.000		1.767.229.818
- Mua trong năm	-	630.916.000	-	-	265.000.000		895.916.000
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	871.313.818	-	-		871.313.818
Số giảm trong năm	-	333.333.333	1.321.615.714	-	-		1.654.949.047
- Thanh lý, nhượng bán	-	333.333.333	1.321.615.714	-	-		1.654.949.047
Số dư cuối năm	14.834.656.930	25.197.522.364	54.316.319.475	87.369.890	1.791.020.993		96.226.889.652
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm	6.015.001.734	11.874.529.622	26.835.155.880	87.369.890	954.615.877		45.766.673.003
Số tăng trong năm	698.461.115	1.924.065.929	4.570.568.090	-	134.084.937		7.327.180.071
- Khấu hao trong năm	698.461.115	1.924.065.929	4.570.568.090	-	134.084.937		7.327.180.071
Số giảm trong năm	-	306.966.654	1.050.286.479	-	-		1.357.253.133
- Thanh lý, nhượng bán	-	306.966.654	1.050.286.479	-	-		1.357.253.133
Số dư cuối năm	6.713.462.849	13.491.628.897	30.355.437.491	87.369.890	1.088.700.814		51.736.599.941
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình							
Tại ngày đầu năm	8.819.655.196	13.025.410.075	27.931.465.491	-	571.405.116		50.347.935.878
Tại ngày cuối năm	8.121.194.081	11.705.893.467	23.960.881.984	-	702.320.179		44.490.289.711

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:

31/12/2017

01/01/2017

12.432.222.712

9.312.709.128

44.490.289.711

50.347.935.878



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Đơn vị tính: VND

	Phần mềm máy tính
Nguyên giá TSCĐ vô hình	
Số dư đầu năm	36.337.500
Số tăng trong năm	-
Số giảm trong năm	-
Số dư cuối năm	<u>36.337.500</u>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	8.075.000
Số tăng trong năm	12.112.500
- <i>Khấu hao trong năm</i>	12.112.500
Số giảm trong năm	-
Số dư cuối năm	<u>20.187.500</u>
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình	
Tại ngày đầu năm	28.262.500
Tại ngày cuối năm	<u>16.150.000</u>

9. Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn (*)	13.925.144.766	9.336.246.482
Dự án Khu đô thị mới	4.749.281.351	4.571.841.351
Dự án Khu nhà ở DIC - Đồng Tiến	9.175.863.415	4.764.405.131
b) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	23.141.573.905	618.181.818
Chi phí sửa chữa xe bơm bê tông	-	618.181.818
Trạm trộn bê tông Phú Mỹ 3	650.000	-
Trạm trộn bê tông KCN Đất Đỏ 1	3.824.826.270	-
Nhà xưởng chứa VLXD	110.000.000	-
Mua xe trộn, xe bơm bê tông	19.206.097.635	-
Cộng	<u>37.066.718.671</u>	<u>9.954.428.300</u>

(*) Đây là khoản chi phí phát sinh của dự án Khu đô thị mới và Khu nhà ở DIC - Đồng Tiến tại xã Long Tân, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH - ĐỒNG TIẾN

Lô 17, đường 25B, KCN Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**10. Đầu tư tài chính dài hạn**

Đơn vị tính: VND

	31/12/2017		01/01/2017	
	Tỷ lệ	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
a) Đầu tư vào công ty con				
b) Đầu tư vào công ty liên kết		3.288.000.000	456.000.000	(2.832.000.000)
+ Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đồng Phúc Tiến (*)	40%	3.288.000.000	456.000.000	(2.832.000.000)
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		151.500.000	151.500.000	-
+ Công ty CP DIC Minh Hưng (150.000 CP)		151.500.000	151.500.000	-
Cộng		3.439.500.000	607.500.000	(2.832.000.000)
			6.151.500.000	3.710.938.850
				(2.440.561.150)

(*) Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đồng Phúc Tiến được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105847072 đăng ký ngày 05/04/2012 do Sở kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Vốn điều lệ 12.515.000.000 đồng. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh vật liệu xây dựng và sản xuất bê tông tươi. Công ty đã góp vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Đồng Phúc Tiến số tiền 6 tỷ đồng tương đương 40% vốn điều lệ. Số giám trong năm (2.712.000.000 đồng) là số tiền mà Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Đồng Phúc Tiến đã hoàn trả một phần tiền vốn góp cho Công ty.

Theo Quyết định của ĐHQĐ ngày 30/05/2017 sẽ giải thể Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Đồng Phúc Tiến. Hiện nay, Công ty này đang tiến hành các thủ tục để thanh lý tài sản và giải thể công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN DIC – ĐỒNG TIẾN

Lô 17, đường 25B, KCN Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
11. Phải trả người bán				
a) Phải trả người bán ngắn hạn	53.767.226.064	53.767.226.064	31.540.606.209	31.540.606.209
Công ty Cổ phần ĐT TM Đại Thế Giới	511.799.984	511.799.984	476.180.000	476.180.000
Công ty TNHH ĐT TM HATA	2.281.530.583	2.281.530.583	4.853.594.003	4.853.594.003
Công ty TNHH Phát triển Hoàng Mai	-	-	2.918.535.800	2.918.535.800
Công ty TNHH Hùng Thịnh	-	-	4.461.578.895	4.461.578.895
DNTN Tân Xuân Anh	21.313.088.860	21.313.088.860	13.276.071.980	13.276.071.980
Công ty Cổ phần VLXD Thế Giới Nhà	25.754.340.760	25.754.340.760	1.165.044.400	1.165.044.400
Phải trả các đối tượng khác	3.906.465.877	3.906.465.877	4.389.601.131	4.389.601.131
b) Phải trả người bán là các bên liên quan	31.12/2017		01/01/2017	
Công ty Cổ phần VLXD Thế Giới Nhà	25.754.340.760		1.165.044.400	
Công ty Cổ phần ĐT TM Đại Thế Giới	511.799.984		476.180.000	
Công ty TNHH ĐT TM HATA	2.281.530.583		4.853.594.003	
DNTN Tân Xuân Anh	21.313.088.860		13.276.071.980	
Công ty Cổ phần Cầu kiện Bê tông Nhơn Trạch 2	169.295.500		3.107.830	
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Sửa chữa	1.540.069.682		886.464.800	
- Đại lý cung cấp thiết bị Anh Phương				

CÔNG TY CỔ PHẦN DIC – ĐỒNG TIẾN

Lô 17, đường 25B, KCN Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	01/01/2017	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2017
a) Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	2.218.555.789	8.174.064.545	9.982.508.577	410.111.757
Thuế thu nhập doanh nghiệp	516.931.046	2.636.318.137	3.153.249.183	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.088.488.747	834.958.643	1.678.512.224	244.935.166
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	497.889.033	134.353.770	467.066.212	165.176.591
Các loại thuế khác	-	4.400.000.000	4.400.000.000	-
	115.246.963	168.433.995	283.680.958	-
b) Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	-	9.557.550	(9.557.550)
	-	-	9.557.550	(9.557.550)

CÔNG TY CỔ PHẦN DIC - ĐÔNG TIẾN

Lô 17, đường 25B, KCN Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

Bảo hiểm y tế, thất nghiệp

Cổ tức phải trả

Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

Cộng

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Bảo hiểm y tế, thất nghiệp	32.286.071	-
Cổ tức phải trả	25.830.000	25.830.000
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	367.000.000	268.500.000
Cộng	425.116.071	294.330.000

14. Vay và nợ thuế tài chính

	Trong năm				31/12/2017	
	01/01/2017	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngân hàng (*)	58.802.454.796	239.942.867.717	230.506.785.905	68.238.536.608	68.238.536.608	68.238.536.608
Vay dài hạn đến hạn trả (**)	54.608.454.796	237.581.978.828	226.270.785.905	65.919.647.719	65.919.647.719	65.919.647.719
	4.194.000.000	2.360.888.889	4.236.000.000	2.318.888.889	2.318.888.889	2.318.888.889
b) Vay dài hạn (**)	4.101.000.000	2.384.000.000	2.360.888.889	4.124.111.111	4.124.111.111	4.124.111.111
Cộng	62.903.454.796	242.326.867.717	232.867.674.794	72.362.647.719	72.362.647.719	72.362.647.719



CÔNG TY CỔ PHẦN DIC – ĐÔNG TIẾN

Lô 17, đường 25B, KCN Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**(*) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn:**

Bên cho vay	Hợp đồng vay	Lãi suất	Số dư nợ gốc	Phương thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Nhơn Trạch	2017044/HĐTD	Theo từng lần nhận nợ	29.961.363.385	Thế chấp tài sản
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - CN Nhơn Trạch	5908LAV201703225	Theo từng lần nhận nợ	5.995.188.861	Thế chấp tài sản
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên Hòa	2017-HDCVHM/ NHCT682-DIC	Theo từng lần nhận nợ nhưng không quá 6 tháng	29.963.095.473	Thế chấp tài sản
Cộng			65.919.647.719	

() Chi tiết các khoản vay dài hạn:**

Bên cho vay	Hợp đồng vay	Lãi suất	Thanh toán trên 12 tháng	Thanh toán dưới 12 tháng	Cộng	Phương thức đảm bảo
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - CN Nhơn Trạch	201503909/HĐTD	10%/năm	-	132.000.000	132.000.000	Thế chấp tài sản
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên Hòa	01/2016-HĐTDDA /NHCT682-DIC	Theo từng lần nhận nợ	2.005.000.000	1.922.000.000	3.927.000.000	Thế chấp tài sản
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên Hòa	01/2017-HDCVDADT /NHCT682-DIC	Theo từng lần nhận nợ	2.119.111.111	264.888.889	2.384.000.000	Thế chấp tài sản
Cộng			4.124.111.111	2.318.888.889	6.443.000.000	



CÔNG TY CỔ PHẦN DIC – ĐỒNG TIẾN

Lô 17, đường 25B, KCN Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**15. Vốn chủ sở hữu****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	50.000.000.000	7.408.000.000	1.126.570.906	(1.654.085.878)	56.880.485.028
Lợi nhuận trong năm				3.124.908.126	3.124.908.126
Thường ban điều hành và Ban kiểm soát năm 2015				(85.200.000)	(85.200.000)
Số dư cuối năm trước	50.000.000.000	7.408.000.000	1.126.570.906	1.385.622.248	59.920.193.154
Số dư đầu năm nay	50.000.000.000	7.408.000.000	1.126.570.906	1.385.622.248	59.920.193.154
Tăng trong năm (*)	30.000.000.000			-	30.000.000.000
Lợi nhuận trong năm				1.714.635.575	1.714.635.575
Thường ban điều hành và Ban kiểm soát năm 2016				(110.800.000)	(110.800.000)
Số dư cuối năm nay	80.000.000.000	7.408.000.000	1.126.570.906	2.989.457.823	91.524.028.729

Đơn vị tính: VND

(*) Tăng vốn theo Nghị quyết số 01/NQ-DIC-ĐT của HĐQT ngày 11/01/2017, phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Thế giới nhà 3.000.000 cổ phiếu.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ %	31/12/2017 VND	Tỷ lệ %	01/01/2017 VND
Trần Hoàng Tuấn	27,44%	21.952.000.000	43,90%	21.952.000.000
Trần Thị Mỹ Dung	15,38%	12.305.000.000	24,61%	12.305.000.000
Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Thế giới nhà	37,50%	30.000.000.000	0,00%	-
Vốn góp của các đối tượng khác	19,68%	15.743.000.000	31,49%	15.743.000.000
Cộng	100%	80.000.000.000	100%	50.000.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	50.000.000.000	50.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	30.000.000.000	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	80.000.000.000	50.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	8.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	8.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	5.000.000

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm nay VND	Năm trước VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	244.783.318.214	206.937.944.418
a) Doanh thu		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	244.783.318.214	206.937.944.418
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	-
b) Doanh thu với các bên liên quan		
Công ty Cổ phần VLXD Thế giới Nhà	15.450.715.339	-
Công ty Cổ phần Cấu kiện Bê tông Nhơn Trạch 2	4.329.109.676	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	61.426.810	-
Hàng bán bị trả lại	61.426.810	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	244.721.891.404	206.937.944.418
Doanh thu thuần bán hàng hóa, thành phẩm	244.721.891.404	206.937.944.418
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	-	-
4. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn của hàng hoá, thành phẩm đã bán	227.803.591.141	186.711.018.429
Trích lập/(hoàn nhập) Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Cộng	227.803.591.141	186.711.018.429

52138
 CÔNG T
 H NIỆM B
 H VỤ T
 HÌNH K
 KIỂM T
 NAM VI
 TP. HỒ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5. Doanh thu hoạt động tài chính		
	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	12.823.871	18.102.905
Cộng	12.823.871	18.102.905
6. Chi phí tài chính		
	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	4.561.841.292	4.784.097.477
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	391.438.850	859.233.857
Cộng	4.953.280.142	5.643.331.334
7. Chi phí bán hàng		
	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	939.528.267	977.639.106
Chi phí khác bằng tiền	960.057.825	756.992.253
Cộng	1.899.586.092	1.734.631.359
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân công	4.008.024.467	3.258.821.487
Chi phí khấu hao	722.260.152	725.882.974
Xử lý công nợ	-	1.517.584.172
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu khó đòi	807.434.325	595.586.530
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.334.358.419	840.951.930
Chi phí khác bằng tiền	828.143.210	769.240.682
Cộng	7.700.220.573	7.708.067.775
9. Thu nhập khác		
	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	93.213.176	-
Điều chỉnh thuế GTGT	-	466.085.555
Xử lý công nợ	387.880.143	-
Thu nhập khác	43.829.974	19.458.795
Cộng	524.923.293	485.544.350

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

10. Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thuế giá trị gia tăng bị truy thu	5.702.179	-
Chi phí phạt vi phạm hành chính	242.036.001	1.053.227.732
Xử lý công nợ	44.479.201	
Chi phí khác	61.149.021	39.253.411
Cộng	353.366.402	1.092.481.143

11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.549.594.218	4.552.061.633
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	289.738.180	2.583.705.904
- Các khoản điều chỉnh tăng	289.738.180	2.583.705.904
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ	39.360.173	1.530.478.172
+ Chi phí phạt vi phạm hành chính	250.378.007	1.053.227.732
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	2.839.332.398	7.135.767.537
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên TN chịu thuế năm hiện hành	567.866.480	1.427.153.507
Chi phí thuế TNDN các năm trước nộp bổ sung theo QTT	267.092.163	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm	834.958.643	1.427.153.507

**12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu
 và lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.714.635.575	3.124.908.126
Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho CĐ sở hữu CP phổ thông	-	(110.800.000)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	(110.800.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.714.635.575	3.014.108.126
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	7.909.589	5.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	217	603
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	217	603

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính năm 2017.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

13. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Chỉ tiêu	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	184.289.694.631	144.152.627.358
Chi phí nhân công	18.846.681.228	15.922.025.178
Chi phí khấu hao TSCĐ	7.339.292.571	6.613.284.173
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.009.260.157	13.726.812.667
Chi phí khác bằng tiền	6.657.872.774	7.590.781.051
Tổng cộng	237.142.801.361	188.005.530.427

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	536.396.682	602.381.292

Trong năm, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Thế giới nhà	Bên liên quan	Doanh thu bán hàng	15.450.715.339
		Chi phí thuê xe bồn	4.465.083.091
		Mua bê tông	2.216.556.663
		Mua tài sản cố định	19.206.097.635
DNTN Tân Xuân Anh	Bên liên quan	Mua xi măng	80.743.283.947
Công ty TNHH ĐT TM HATA	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	96.589.345.063
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Đại Thế Giới	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	7.096.001.768
		Chi phí thuê xe bồn	109.090.908
Công ty Cổ phần Cấu kiện Bê tông Nhơn Trạch 2	Bên liên quan	Doanh thu bán hàng	4.329.109.676
		Hàng bán bị trả lại	61.426.810
		Thanh lý TSCĐ	390.909.090
		Mua hàng hóa	373.674.625
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Sửa chữa - Đại lý cung cấp thiết bị Anh Phương	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	4.290.147.475

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho đến ngày 31/12/2017, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị khoản phải thu/(phải trả) (VND)
Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Thế giới nhà	Bên liên quan	Phải thu khách hàng Phải trả người bán	9.549.066.796 (25.754.340.760)
DNTN Tân Xuân Anh	Bên liên quan	Phải trả người bán	(21.313.088.860)
Công ty TNHH ĐT TM HATA	Bên liên quan	Phải trả người bán	(2.281.530.583)
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Đại Thế Giới	Bên liên quan	Phải trả người bán	(511.799.984)
Công ty Cổ phần Cấu kiện Bê tông Nhơn Trạch 2	Bên liên quan	Phải thu khách hàng Phải trả người bán	2.919.591.659 (169.295.500)
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Sửa chữa - Đại lý cung cấp thiết bị Anh	Bên liên quan	Phải trả người bán	(1.540.069.682)

2. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý lãnh thổ Việt Nam nên không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất kinh doanh các sản phẩm bê tông, do đó không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.687.259.106	-	2.808.473.263	-
Phải thu khách hàng	87.498.791.485	(4.522.418.862)	72.777.239.626	(3.714.984.537)
Phải thu khác	6.791.768.285	-	2.677.667.981	-
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	151.500.000	-	151.500.000	-
Cộng	99.129.318.876	(4.522.418.862)	78.414.880.870	(3.714.984.537)
Công nợ tài chính				
			Giá trị ghi sổ	
			31/12/2017	01/01/2017
Các khoản vay			72.362.647.719	62.903.454.796
Phải trả người bán			53.767.226.064	31.540.606.209
Phải trả khác			425.116.071	294.330.000
Cộng			126.554.989.854	94.738.391.005

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng chưa đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả việc áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

4. Tài sản đảm bảo

Tại thời điểm 31/12/2017, Công ty có thể chấp tài sản cố định để vay ngân hàng theo các hợp đồng sau:

Số hợp đồng vay	Tên tài sản	Nguyên giá	Ngân hàng
Vay ngắn hạn HĐ số 5908LAV201703225	Máy móc thiết bị, phương tiện vận tải	6.233.392.500	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông - CN Nhơn Trạch
Vay ngắn hạn HĐ số 2017044/HĐTD	Nhà văn phòng, phương tiện vận tải, hàng tồn kho	38.205.000.000	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Nhơn Trạch
Vay trung hạn 201503909/HĐTD	Phương tiện vận tải	567.000.000	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - CN Nhơn Trạch
HĐ 01/2016-HĐTDHM /NHCT682-DIC và 01/2016-HĐTDDA/NHCT682-DIC	Phương tiện vận tải	35.537.025.287	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên Hòa
HĐ 01/2016-HĐTDHM /NHCT682-DIC và 01/2016-HĐTDDA/NHCT682-DIC	Trạm trộn bê tông	7.301.938.864	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên Hòa

Tại thời điểm 31/12/2017 Công ty không có nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác.

5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Từ 01 năm đến 05 năm	Cộng
Số cuối năm	122.430.878.743	4.124.111.111	126.554.989.854
Các khoản vay	68.238.536.608	4.124.111.111	72.362.647.719
Phải trả người bán	53.767.226.064	-	53.767.226.064
Phải trả khác	425.116.071	-	425.116.071
Số đầu năm	90.637.391.005	4.101.000.000	94.738.391.005
Các khoản vay	58.802.454.796	4.101.000.000	62.903.454.796
Phải trả người bán	31.540.606.209	-	31.540.606.209
Phải trả khác	294.330.000	-	294.330.000

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

8. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) kiểm toán. Số liệu này đã được điều chỉnh hồi tố do trích thưởng ban điều hành và ban kiểm soát năm 2016 với giá trị 110.800.000 đồng như sau:

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	Năm 2016	Năm 2016	Chênh lệch
	(Sau điều chỉnh)	(Trước điều chỉnh)	
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.014.108.126	3.124.908.126	(110.800.000)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	603	625	(22)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	603	625	(22)

9. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm 2017 không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu

Trần Thị Trúc Lan

Kế toán trưởng

Cao Minh Châu

Tổng Giám đốc



Trần Anh Điền

Đồng Nai, ngày 26 tháng 02 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN DIC – ĐỒNG TIẾN

V/v: Công bố thông tin BCTC năm 2017
đã được kiểm toán

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 21 tháng 03 năm 2018

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên công ty : Công ty cổ phần DIC - Đồng Tiến
2. Mã chứng khoán : DID
3. Địa chỉ trụ sở chính : Lô 17, Đường 25 B, KCN Nhơn Trạch II, tỉnh Đồng Nai
4. Điện thoại : (061) 3521752 Fax : (061) 3521953
5. Người thực hiện công bố thông tin: ông: Trần Anh Điền – Tổng Giám đốc Công ty
6. Nội dung của thông tin công bố:

Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty Cổ phần DIC - Đồng Tiến được lập ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán, Công văn giải trình nguyên nhân lợi nhuận trên báo cáo tài chính năm 2017 chênh lệch quá 10% so với năm 2016 và văn bản điều chỉnh số dư cuối kỳ trên báo cáo tài chính năm 2017 sau khi được kiểm toán.

7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính:

Website: www.dicdongtien.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Nhu trên
- Lưu

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Anh Điền

CÔNG TY CỔ PHẦN DIC - ĐỒNG TIẾN**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 09./DIC ĐT

V/v: điều chỉnh số dư cuối kỳ trên
báo cáo tài chính năm 2017

Đồng Nai, ngày 21 tháng 3 năm 2018

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Ngày 20 tháng 03 năm 2018, Công ty TNHH DV TV Tài chính kế toán và Kiểm toán Nam Việt đã phát hành Báo cáo kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty cổ phần DIC - Đồng Tiến.

Công ty TNHH DV TV Tài chính kế toán và Kiểm toán Nam Việt đã điều chỉnh số liệu số dư cuối kỳ trong bảng cân đối kế toán năm 2017 như sau:

Bảng cân đối kế toán	Mã Số	31/12/2017 (Đã báo cáo)	Điều chỉnh	31/12/2017 (Sau điều chỉnh)
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	338.107.960	(25.000.003)	313.107.957
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241	9.525.144.766	4.400.000.000	13.925.144.766
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	27.541.573.905	(4.400.000.000)	23.141.573.905
Thuế và các khoản phải trả nhà nước	313	413.443.355	(3.331.598)	410.111.757
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	67.973.647.719	264.888.889	68.238.536.608
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.389.000.000	264.888.889	4.124.111.111
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421b	1.736.303.980	(21.668.405)	1.714.635.575

Các số liệu này đã được trình bày cụ thể trên báo cáo kiểm toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty cổ phần DIC - Đồng Tiến.

Vậy Công ty cổ phần DIC - Đồng Tiến kính báo đến Quý Ủy Ban chứng khoán Nhà nước, Quý Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội và các cổ đông của Công ty được biết.

Trân trọng!

CÔNG TY CỔ PHẦN DIC - ĐỒNG TIẾN

Người đại diện theo Pháp luật

Nơi nhận:

-Như trên

-Lưu VP, P.TCKT


TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Anh Điền



CÔNG TY CỔ PHẦN DIC - ĐỒNG TIẾN
Trụ sở: Lô 17, đường 25B, KCN Nhơn Trạch 2, Đồng Nai
Điện thoại: 061-352 1752; Fax: 061-352 1953

Số: 10/DID-TCKT

V/v: Giải trình nguyên nhân lợi
nhuận trên báo cáo tài chính
năm 2017 chênh lệch quá 10%
so với năm 2016.

Đồng Nai, ngày 21 tháng 03 năm 2018

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Căn cứ thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Liên quan đến số liệu về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017 trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán chênh lệch quá 10% so với năm 2016, Công ty Cổ phần DIC - Đồng Tiến xin giải trình với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội như sau:

Nội dung	Năm 2016	Năm 2017	Biến động
Doanh thu thuần	206.937.944.418	244.721.891.404	18,26%
Giá vốn hàng bán	186.711.018.429	227.803.591.141	22,01%
Lợi nhuận trước thuế	4.552.061.633	2.549.594.218	
Lợi nhuận sau thuế	3.124.908.126	1.714.635.575	

Lợi nhuận sau thuế năm 2017 của Công ty giảm so với năm 2016, Năm 2017 lợi nhuận sau thuế của công ty đạt 1.714.635.575 đồng, giảm 1.410.272.551 đồng (tương đương -45,13%) so với năm trước là 3.124.908.126 đồng.

Nguyên nhân:

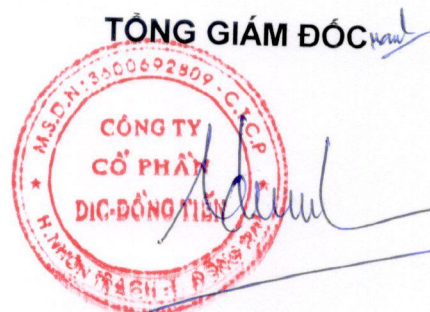
Trong năm 2017, doanh thu thuần của công ty tăng 18,26% so với năm 2016. Và giá vốn hàng bán tăng 22,01% do giá mua nguyên vật liệu tăng mạnh.

Vậy Công ty xin báo cáo để Quý Ủy ban chứng khoán và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội được biết.

Trân trọng .

Nơi nhận:

- Như trên.
- BKS;
- Lưu VT, TCKT



Trần Anh Điền

Số: *M* /CV-DICĐT
V/v: Giải trình và CBTT

Đồng Nai, ngày 21 tháng 03 năm 2018

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tổ chức niêm yết: CÔNG TY CỔ PHẦN DIC – ĐỒNG TIẾN
Địa chỉ: Lô 17, đường 25B, Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 2, Đồng Nai.
Điện thoại: (84-61) 3521752 - Fax: (84-61) 3521953
Website: www.dicdongtien.vn
Mã chứng khoán: DID

- Theo KQHĐKD kiểm toán năm 2017, lợi nhuận sau thuế của Công ty CP DIC - Đồng Tiến giảm so với lợi nhuận sau thuế trước kiểm toán.

Công ty xin được giải trình như sau:

Công bố thông tin về giải trình liên quan đến BCTC Quý 4/2017 do Công ty tự lập khác với số liệu tài chính tại BCTC kiểm toán năm 2017:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2017 trước kiểm toán	Năm 2017 sau kiểm toán	Chênh lệch (đồng)	TL tăng giảm(%)
1	Chi phí quản lý DN	7.675.220.570	7.700.220.573	25.000.003	0,33
2	Thuế TNDN hiện hành	838.290.241	834.958.643	-3.331.598	-0,40
3	Lợi nhuận sau thuế	1.736.303.980	1.714.635.575	-21.668.405	-1,25

- Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng: **25.000.003 đồng** do kết chuyển bổ sung phí kiểm toán vào chi phí.
- Chi phí thuế TNDN hiện hành giảm **3.331.598 đồng** do sau khi tăng chi phí tại mục 1, làm cho lợi nhuận trước thuế sau kiểm toán trên BCTC năm 2017 giảm 25.000.003 đồng
- Do các nguyên nhân trên dẫn tới lợi nhuận sau thuế sau kiểm toán năm 2017 của Công ty giảm : **21.668.405 đồng**.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu;

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN ANH ĐIỀN